

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12862/UBND-NN

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 10 năm 2017

V/v kết quả quản lý các nguồn nước thải lớn, quản lý ô nhiễm lưu vực sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện Công văn số 1843/BTNMT-TCMT ngày 19/4/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý các nguồn nước thải lớn, quản lý ô nhiễm lưu vực sông; UBND tỉnh Thanh Hóa báo cáo tình hình thực hiện trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Về nội dung thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 54, Điều 56, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Điều 44, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu:

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát và có Công văn số 3394/STNMT-BVMT ngày 04/7/2017 báo cáo UBND tỉnh chấp thuận chủ trương thực hiện đánh giá sức chịu tải của hệ thống sông Mã, sông Chu, sông Yên, sông Hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường tại các lưu vực sông nội tỉnh theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ thực tế tại địa phương, Chủ tịch UBND tỉnh chưa xem xét chấp thuận chủ trương thực hiện và giao Sở Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện tốt công tác quản lý môi trường đối với các lưu vực sông tại Công văn số 8552/UBND-NN ngày 24/7/2017.

- Đối với công tác quan trắc, kiểm soát chất lượng nước tại các nguồn tiếp nhận trên địa bàn tỉnh: Hiện nay, Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường đang được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ trên địa bàn tỉnh với tần suất 2 tháng/lần; trong đó, có hoạt động quan trắc chất lượng nước tại các lưu vực sông trên địa bàn tỉnh nhằm đánh giá hiện trạng diễn biến chất lượng nguồn nước phục vụ công tác quản lý. Theo đề án xây dựng chính quyền điện tử và phát triển các dịch vụ thành phố thông minh tỉnh Thanh Hóa được phê duyệt tại Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Phát triển công nghệ AIC lập dự án đầu tư xây dựng các trạm quan trắc môi trường tự động cố định tại Khu kinh tế Nghi Sơn và một số vị trí trọng điểm của tỉnh nhằm nâng cao năng lực quan trắc môi trường và phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường.

2. Về nội dung kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật việc xả thải của các Khu kinh tế (KKT), khu công nghiệp (KCN), Cụm công nghiệp (CCN) và làng nghề, các cơ sở sản xuất kinh doanh và dịch vụ:

2.1. Tình hình thanh tra, kiểm tra:

Từ năm 2016 đến nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường hơn 200 cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ đang hoạt động trong và ngoài KKT, KCN, CCN và làng nghề trên địa bàn tỉnh. Trong đó, số cơ sở đã đầu tư công trình xử lý nước thải chiếm đến hơn 80% với tổng lượng nước thải được xử lý lên đến trên 2000 m³/ngày.đêm. Tuy nhiên, tổng lượng nước thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường chiếm khoảng 65%. Qua công tác thanh tra, kiểm tra, Sở đã xử lý và kiến nghị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với 21 cơ sở sản xuất, kinh doanh với tổng số tiền 746,7 triệu đồng.

2.2. Tình hình xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng:

Theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 và Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có 14 cơ sở nằm trong danh mục cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; trong đó, có 8 bệnh viện; 4 cơ sở sản xuất; 01 làng nghề và 01 hệ thống nước thải thành phố Thanh Hóa. Thời gian qua, với sự giúp đỡ của các cấp, các ngành trung ương, UBND tỉnh Thanh Hóa đã chỉ đạo các sở, ngành và các cơ sở sản xuất thực hiện giải pháp xử lý triệt để ô nhiễm môi trường theo kế hoạch. Đến nay, 14/14 cơ sở đã hoàn thành việc xử lý ô nhiễm triệt để; trong đó, 13/14 cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận việc hoàn thành; 01/14 cơ sở đã hoàn thành việc xử lý ô nhiễm triệt để nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận việc hoàn thành (*mở Cromit Cổ Định đã dừng hoạt động*).

(Có Danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng kèm theo)

Ngoài các cơ sở trên, trên địa bàn tỉnh phát sinh mới 80 cơ sở, điểm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần xử lý, bao gồm: 21 bệnh viện, 43 điểm tồn lưu hóa chất BVTV, 06 khu chứa và chôn lấp rác thải, 01 hồ trong đô thị (Hồ Thành, thành phố Thanh Hóa) và 09 làng nghề (*Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 15/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh*).

Sau khi Quyết định số 1448/QĐ-UBND được ban hành, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền phổ biến nội dung Quyết định số 1448/QĐ-UBND; hướng dẫn các ngành, địa phương lập dự án xin kinh phí của Trung ương để triển khai thực hiện. Các cơ sở sau khi hoàn thành việc xử lý triệt để, Sở Tài nguyên và Môi trường đã hướng dẫn lập hồ sơ xin xác nhận hoàn thành các biện pháp xử lý triệt để ô nhiễm theo quy định. Đến nay, đã có 25/80 cơ sở hoàn thành việc xử lý triệt để, bao gồm: 19 cơ sở y tế; 05 điểm tồn lưu hóa chất thuốc BVTV, 01 hồ trong đô thị (Hồ Thành, thành phố Thanh Hóa), đạt tỷ lệ 31,25% so với kế hoạch.

3. Về nội dung xây dựng quy chế phối hợp bảo vệ nguồn nước và môi trường lưu vực sông Mã, sông Bưởi vùng giáp ranh giữa tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Sơn La và tỉnh Hòa Bình.

Thực hiện nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh giao, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tập trung nghiên cứu, xác định các lưu vực sông phải thực hiện công tác phối hợp, phân tích, đánh giá các vấn đề có liên quan và xây dựng Dự thảo Quy chế phối hợp quản lý, bảo vệ nguồn nước và môi trường lưu vực sông Mã, sông Bưởi vùng giáp ranh giữa tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Sơn La và tỉnh Hòa Bình.

Sau khi xây dựng Dự thảo Quy chế, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức lấy ý kiến tham gia của các ngành, địa phương có liên quan trong tỉnh tại Công văn số 3751/STNMT-TNN ngày 19/7/2017 và Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh Sơn La, Hòa Bình tại Công văn số 4412/STNMT-TNN và Công văn số 4433/STNMT-TNN ngày 21/8/2017.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các ngành, địa phương có liên quan, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổng hợp, chỉnh sửa, bổ sung vào Dự thảo Quy chế phối hợp quản lý, bảo vệ nguồn nước và môi trường lưu vực sông Mã, sông Bưởi vùng giáp ranh giữa tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Sơn La và tỉnh Hòa Bình. UBND tỉnh đang xem xét, ban hành Quy chế phối hợp Quản lý, bảo vệ nguồn nước và môi trường lưu vực sông Mã, sông Bưởi vùng giáp ranh giữa tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Sơn La và tỉnh Hòa Bình.

4. Về nội dung thống kê các nguồn thải trên địa bàn tỉnh:

Thực hiện nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh giao. Ngày 19/7/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 3759/STNMT-TNN gửi UBND các huyện, thị xã, thành phố và Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN để phối hợp tiến hành rà soát, thống kê các nguồn nước thải vào lưu vực sông của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh (nước thải từ KKT, KCN, CCN và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; nước thải từ các khu đô thị, khu tập trung dân cư; nước thải từ các làng nghề). Sau khi nhận được báo cáo của UBND các huyện, thị xã, thành phố và Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, kết quả như sau:

4.1 Nguồn nước thải từ các KKT, KCN, CCN và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

* Hiện tại, trên địa bàn tỉnh có tổng số 01 Khu Kinh tế (KKT), 05 Khu Công nghiệp (KCN), 55 Cụm Công nghiệp (CCN) và 244 các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp và các cơ sở khác có hoạt động xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng 30 m³/ngày đêm trở lên.

* Tổng lượng nước thải phát sinh (m³/ngày đêm):

- Tại KKT Nghi Sơn:

+ Nước thải của Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn thuộc Công ty TNHH hóa dầu Nghi Sơn (được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy phép xả thải số 3214/GP-BTNMT ngày 11/12/2015): 1.320.500 m³/ngày đêm (Trong đó: nước

thải làm mát 1.296.000 m³/ngày đêm, nước thải sx, sinh hoạt sau xử lý 17.000 m³/ngày đêm và nước thải khử khoáng 7.500 m³/ngày đêm).

+ Nước thải của Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 1 thuộc Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn 1 (được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy phép xả nước thải số 2976/GP-BTNMT ngày 20/11/2015): 2.065.998 m³/ngày đêm (Trong đó: nước thải làm mát 2.064.000 m³/ngày đêm, nước thải sản xuất, sinh hoạt 1.998 m³/ngày đêm).

+ Các nguồn nước thải còn lại: 4154 m³/ngày đêm

- Tại các KCN, CCN: 8189 m³/ngày đêm

- Tại các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp không nằm trong KKT, KCN, CCN: 23.987 m³/ngày đêm.

* Hệ thống xử lý nước thải.

- Tổng số hệ thống xử lý nước thải tại các KCN, CCN: Đã có hệ thống xử lý nước thải

- Tổng số hệ thống xử lý nước thải tại các KCN đạt QCVN: 100%

- Tổng số hệ thống xử lý nước thải tại các CCN đạt QCVN: 100%

- Tổng số các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp nằm ngoài KCN, CCN có hệ thống xử lý nước thải: Đã có hệ thống xử lý nước thải

- Tổng số các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ nằm ngoài KCN, CCN có hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN: Đã có hệ thống xử lý nước thải.

(Có Bảng tổng hợp danh mục nguồn nước thải chính kèm theo)

4.2 Nguồn nước thải từ các khu đô thị, khu tập trung dân cư:

Hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh Thanh Hóa mới có 03 Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung nằm trên địa bàn 03 thị xã, thành phố:

- Thành phố Thanh Hóa: Công suất thiết kế 15.000 m³/ngày đêm. Đã xây dựng xong và đi vào hoạt động.

- Thành phố Sầm Sơn: Công suất thiết kế 4.500 m³/ngày đêm đã vận hành. Theo cấp phép xả thải là 3.000 m³/ngày đêm.

- Thị xã Bim Sơn: Công suất thiết kế 7.000 m³/ngày đêm. Giai đoạn 1 công suất 3.500 m³/ng.đêm đã xây dựng xong nhưng chưa vận hành.

4.3 Nguồn nước thải từ các làng nghề:

Trên địa bàn toàn tỉnh có 155 làng nghề được phân bố chủ yếu ở các huyện trên địa bàn tỉnh; các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động tại các làng nghề chủ yếu là sản xuất vật liệu xây dựng; mây tre đan, dệt chiếu, đồ mộc, thủ công mỹ nghệ; chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi, giết mổ; làng nghề uơng tơ, thuộc da; cơ khí... Các làng nghề hầu hết có quy mô nhỏ, trình độ sản xuất thấp, công nghệ lạc hậu, chủ yếu là sản xuất thủ công và thủ công kết hợp cơ giới. Phương thức quản lý và hoạt động manh mún, tự phát, chưa có quy hoạch cụ thể; hoạt động sản xuất tập trung chủ yếu trong các khu dân cư hiện có.

Do đặc trưng của nước thải ở các làng nghề chủ yếu phát sinh từ: chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi và giết mổ là các loại hình sản xuất có nhu cầu sử dụng nước và nước thải có nồng độ ô nhiễm rất cao. Tại các làng nghề thủ công mỹ nghệ và mây tre đan, tái chế giấy, nhựa... nước thải có hàm lượng cặn lớn và chứa nhiều chất ô nhiễm từ dung môi, dư lượng các hóa chất trong quá trình rửa sản phẩm, đánh bóng ... với lưu lượng nước thải từ 10-100 m³/ngày đêm.

Hầu hết, các làng nghề chưa được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung; các cơ sở, doanh nghiệp có hệ thống xử lý nước thải chiếm tỉ lệ rất thấp, vận hành không hiệu quả; nước thải chưa được thu gom xử lý hoặc chưa qua xử lý thải trực tiếp ra môi trường gây ô nhiễm nước mặt, nước ngầm khu vực xung quanh. Điển hình, CCN làng nghề ươm tơ, dệt nhiễu Hồng Đô, xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa; làng nghề chế biến đá tại Núi Vức, xã Đông Vinh, thành phố Thanh Hóa; xã Đông Tân, Đông Hưng, huyện Đông Sơn; xã Yên Lâm, huyện Yên Định; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tại xã Định Liên, huyện Yên Định; các trang trại chăn nuôi; làng nghề dịch vụ hàng tươi sống tại xã Thành Lộc, huyện Hậu Lộc; làng nghề chế biến hải sản tại xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia...

(Có Bảng tổng hợp danh mục nguồn nước kèm theo)

5. Về nội dung xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn nước thải trên địa bàn tỉnh:

Dự án “Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước tỉnh Thanh Hóa” đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3635/QĐ-UBND ngày 16/10/2013. Theo đó, hằng năm công tác điều tra bổ sung đáp ứng được mục đích cập nhật, thu thập bổ sung thông tin thực tế từng địa phương về tình hình khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước. Kết quả công tác điều tra còn bổ sung thông tin về điều kiện địa chất thủy văn ở các vùng điều tra trọng điểm, cung cấp thông tin về các tầng chứa nước triển vọng trong các vùng điều tra, xác định một số ranh giới mặn của các tầng chứa nước tại một số vùng.

Tất cả các dữ liệu trước khi được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước phải được kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin theo quy định. Tùy theo loại, cấp độ, hình thức, đặc điểm, tính chất, mức độ xử lý và cấp độ phổ biến của dữ liệu để cập nhật các dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước cho hợp lý, khoa học, bảo đảm chính xác, thuận tiện và hiệu quả trong quản lý, khai thác và sử dụng thực hiện đúng yêu cầu bảo mật, an toàn dữ liệu.

6. Về nội dung rà soát, đánh giá, khoanh vùng các nguồn nước thải lớn, tiềm ẩn rủi ro gây ô nhiễm môi trường và áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ:

Trên địa bàn tỉnh có 13 cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với lưu lượng xả thải từ 1000 m³/ngày đêm trở lên:

- Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn thuộc Công ty TNHH hóa dầu Nghi Sơn: 1.320.500 m³/ngày đêm

- Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 1 thuộc Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn 1: 2.065.998 m³/ngày đêm.

- Công ty CP Bia Thanh Hóa: 1.000 m³/ngày đêm

- Công ty TNHH Giấy SunJade Việt Nam: 1.000 m³/ngày đêm

- Công ty TNHH Một thành viên Sữa Lam Sơn: 1.500 m³/ngày đêm

- Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn: 1.800 m³/ngày đêm

- Công ty TNHH FLC Sam Sơn Golf & Resort : 2.500 m³/ngày đêm

- Công ty CP Mía đường Lam Sơn: 2.228 m³/ngày đêm

- Công ty CP XNK Rau quả Thanh Hóa: 1.207 m³/ngày đêm

- Công ty cổ phần sản xuất Chế biến nông sản và Vật tư nông nghiệp Phúc Thịnh: 1.094 m³/ngày đêm

- Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan: 1.260 m³/ngày đêm

- Công ty CP Mía đường Nông Công: 1.450 m³/ngày đêm

- Công ty CP Vật tư tổng hợp Thanh Hóa: 1.900 m³/ngày đêm

Hàng năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Kế hoạch và phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở có nguồn thải lớn trên địa bàn. Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã tạo được sự chuyển biến trong công tác tăng cường quản lý tài nguyên nước ở cấp huyện và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, đã chỉ ra được những hạn chế cần khắc phục nhằm nâng cao chất lượng quản lý về tài nguyên nước ở địa phương, đôn đốc, nhắc nhở các tổ chức, cá nhân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và các quy định trong giấy phép đã cấp; yêu cầu các đơn vị lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động theo quy định, đối với các đơn vị có hoạt động xả nước thải theo mùa, vụ đã yêu cầu thực hiện việc lấy mẫu phân tích chất lượng nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả thải vào nguồn nước; phát hiện, xử lý và kiến nghị các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

Trên đây là kết quả thực hiện việc quản lý các nguồn nước thải lớn, quản lý ô nhiễm lưu vực sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo yêu cầu tại Công văn số 1843/BTNMT-TCMT ngày 19/4/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; UBND tỉnh Thanh Hóa báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo./.

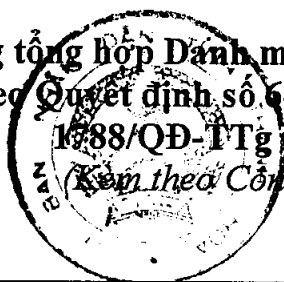
Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Môi trường - Bộ TN&MT;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở TN&MT;
- Lưu: VT, Pg NN.



Nguyễn Đức Quyền

Bảng tổng hợp Danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng
 theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 và Quyết định số
 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ
 (Kèm theo Công văn số: 12862/UBND-NN ngày 23/10/2017 của
 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)



TT	Tên cơ sở	Tình hình xử lý ô nhiễm triệt để	
		Đã được cấp giấy chứng nhận việc hoàn thành xử lý triệt để	Đã hoàn thành việc xử lý ô nhiễm triệt để nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận việc hoàn thành
1	Công ty Giấy Lam Sơn	x	
2	Công ty Giấy Mực Sơn	x	
3	Công ty Bia Thanh Hóa	x	
4	Hệ thống nước thải thành phố Thanh Hóa	x	
5	Bệnh viện Phổi Thanh Hóa	x	
6	Bệnh viện Tâm thần Thanh Hóa	x	
7	Bệnh viện Y học cổ truyền Thanh Hóa	x	
8	Bệnh viện đa khoa thành phố Thanh Hóa	x	
9	Bệnh viện Phụ sản tỉnh Thanh Hóa	x	
10	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	x	
11	Bệnh viện Mắt Thanh Hóa	x	
12	Bệnh viện Da liễu Thanh Hóa	x	
13	Mỏ Cromit Cỏ Định		x (đã dừng hoạt động)
14	Khu vực làng nghề xã Đông Tân - Đông Hưng	x	
	Tổng	13	1



Danh mục các nguồn nước thải chính

Số: 12862/UBND-NN ngày 23/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên nguồn thải/cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ	Địa chỉ	Ngành nghề SX, KD, DV	Có/không có hệ thống XLNT	Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Nguồn tiếp nhận	Ghi chú
1	Công ty TNHH hóa dầu Nghi Sơn (Nhà máy lọc hóa dầu)	KKT Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia	Lọc hóa dầu	có	1.320.500	Vùng biển ven bờ	
2	Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn-Tập đoàn điện lực VN	Xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia	SX điện	có	2.065.998	Vùng biển ven bờ	
3	Ban QLDA "Phát triển toàn diện kinh tế-xã hội thành phố Thanh Hóa"	xã Quảng Thịnh, TP Thanh Hóa	Trạm XL nước thải tập trung (hồ điều hòa)	có	15.000	Kênh Lê	
4	Chi nhánh DN tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên	Phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa	Khách sạn	có	100	sông Nhà Lê	
5	Công ty TNHH MTV cấp nước Thanh Hóa	Phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa	Sản xuất nước sạch	có	320	sông Thọ Hạc	
6	Công ty TNHH MTV Đầu tư PT hạ tầng Thanh Hóa	KCN Lễ Môn, TP Thanh Hóa	Trạm xử lý nước thải tập trung	có	2200	sông Thống Nhất	
7	Công ty CP Bia Thanh Hóa	phường Ngọc Trạo TP Thanh Hóa	Sản xuất bia	có	1000	sông Nhà Lê	
8	Công ty CP Nam Cảnh	Phường Quảng Hưng, TP Thanh Hóa	Sản xuất giấy	có	190	sông Mã	
9	Công ty CP khách sạn Lam Kinh	Phường Đông Hương, TP T.Hóa	Kinh doanh Khách sạn	có	320	sông Cốc	
10	Công ty TNHH Phước Thịnh	phường Đông Thọ, TP Thanh Hóa	Chế biến thủy sản	có	166	sông Mã	
11	Bệnh viện Đa khoa Thanh Hà	phường Đông Hương, TP Thanh Hóa	Khám chữa bệnh	có	200	Hệ thống thoát nước chung	

12	Công ty TNHH Giấy Hong Fu Việt Nam	KCN Hoàng Long, TP Thanh Hóa	Sản xuất Giấy	có	300	Sông Gông	
13	Công ty Giấy Rollsort Việt Nam	KCN Hoàng Long, TP Thanh Hóa	Sản xuất Giấy	có	141	Sông Gông	
14	Công ty TNHH Giấy SunJade Việt Nam	KCN Lễ Môn, TP Thanh Hóa	sản xuất Giấy	có	1.000	sông Thống Nhất	
15	Công ty CP Dược vật tư Y tế	KCN Tây Bắc Ga, TP Thanh Hóa	sản xuất thuốc	có	200	Sông Thọ Hạc	
16	Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Thanh Hóa	KCN Lễ Môn, TP Thanh Hóa	Chế biến thủy sản	có	100	sông Thống Nhất	
17	Công ty TNHH Một thành viên Sữa Lam Sơn	KCN Lễ Môn, TP Thanh Hóa	sản xuất sữa	có	1500	sông Thống Nhất	
18	Bệnh viện Nhi Thanh Hóa	Phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa	Cơ sở y tế	có	240	Kênh Lê	
19	Bệnh viện nội tiết Thanh Hóa	Phường Quảng Thắng, TP Thanh Hóa	Cơ sở y tế	có	110	Sông Nhà Lê	
20	Bệnh viện Đa khoa thành phố Thanh Hóa	Phường Trường Thi, TP Thanh Hóa	Cơ sở y tế	có	220	Sông Cầu Hạc	
21	Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa	phường Quảng Thắng, TP Thanh Hóa	Khám chữa bệnh	có	200	Hồ điều hòa	
22	Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Thanh Hóa	phường Quảng Hưng, TP Thanh Hóa	Kho xăng dầu	có	100	sông Mã	
23	Bệnh viện Đa khoa Hợp Lực	phường Đông Thọ, TP Thanh Hóa	Khám chữa bệnh	có	500	Sông Cầu Hạc	
24	Công ty TNHH Giấy Aleron Việt Nam	KCN Hoàng Long, thành phố Thanh Hoá	sản xuất Giấy, dép	có	300	Sông Gông	
25	Công ty TNHH Sao Mai - Thanh Hóa	phường Điện Biên, TP Thanh Hoá	Khách sạn	có	140	hệ thống xử lý nước thải TP	
26	Công ty Cổ phần Bia Thanh Hoá	phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hoá	sản xuất Bia	có	950	Sông Nhà Lê	
27	Công ty CP Giấy - Bao bì Thanh Hóa	phường Đông Thọ, TP Thanh Hóa	sản xuất Giấy	có	99	Sông cầu Hạc	

28	Công ty TNHH Lọc Hoá Dầu Nghi Sơn	Khu kinh tế Nghi Sơn, Tỉnh Gia	Lọc hóa dầu	có	810	Vùng biển ven bờ	
29	Công ty CP TM vận tải và Chế biến hải sản Long Hải	xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia	Chế biến thủy sản	có	600	sông Bạng	
30	Bệnh viện Đa khoa huyện Tĩnh Gia	xã Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia	Khám chữa bệnh	có	160	sông Than	
31	Công ty CP nước mắm Thanh Hương	xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia	SX nước mắm	có	300	Kênh Thanh	
32	Công ty CP Bột cá Thanh Hóa	xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia	SX bột cá	có	150	sông Bạng	
33	Công ty CP Sông Việt Thanh Hóa	xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia	SX bột cá	có	300	sông Bạng	
34	Công ty TNHH chế biến hải sản Ngọc Sơn	xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia	Chế biến hải sản	có	120	sông Bạng	
35	Công ty Xi măng Nghi Sơn	xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia	sản xuất xi măng	có	170	Sông Cài Dịch	
36	Công ty TNHH Lọc Hoá Dầu Nghi Sơn	Khu kinh tế Nghi Sơn, Tỉnh Gia,	Dầu khí	có	500	Vùng biển ven bờ	
37	Tổng công ty Đầu tư xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia	Khu nhà ở Tiên Phương	có	200	Sông Lạch Bạng	
38	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia	Khu nhà ở công nhân	có	703	Sông Bạng	
39	HTX Đại Hải	xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia	chế biến thủy sản	có	183	sông Than	
40	Công ty TNHH Châu Tuấn	xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia	chế biến thủy sản	có	160	sông Than	
41	Tổng Công ty Tư vấn dầu khí - Công ty Cổ phần	xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia	dầu khí	có	110	sông Bạng	
42	Khách sạn Thanh Còi	xã Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia	dịch vụ ăn uống	có	168	Sông Than	

43	Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	KKT Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia	dầu khí	có	1800	Vùng nước biển ven bờ	
44	Công ty TNHH FLC Sam Sơn Golf & Resort	xã Quảng Cư, thị xã Sầm Sơn	dịch vụ du lịch	có	2500	Sông Mã	
45	Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và Dịch vụ du lịch Sầm Sơn	phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn	Trạm xử lý nước thải tập trung	có	2900	Sông Đơ	
46	Trung tâm đào tạo Sầm Sơn - Ngân hàng phát triển Việt Nam	Phường Trường Sơn, TP Sầm Sơn	kinh doanh khách sạn	có	160	Sông Đơ	
47	Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ kỹ thuật Thành Minh	xã Quảng Cư, thị xã Sầm Sơn	kinh doanh khách sạn	có	149	Sông Đơ	
48	Công ty Cổ phần Thương mại Thanh Bình	phường Quảng Tiến, thị xã Sầm Sơn	Chế biến thủy sản	có	100	Sông Đơ	
49	Khách sạn Bông Sen	phường Trường Sơn, TP Sầm Sơn	Kinh doanh khách sạn	có	166	Sông Đơ	
50	Công ty TNHH Đức Thành	phường Bắc Sơn, TP Sầm Sơn	Kinh doanh khách sạn	có	195	Sông Đơ	
51	Công ty CP Mía đường Lam Sơn	TT Lam Sơn, huyện Thọ Xuân	sản xuất mía đường	có	2.228	Sông Chu	
52	Công ty CP Giấy Mực Sơn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân	sản xuất giấy	có	700	Sông chu	
53	Cty TNHH WinnersViNa	xã Nga Mỹ, Nga Văn, huyện Nga Sơn	may mặc	có	630	sông Hưng Long	
54	Công ty TNHH Du lịch và TM EURO	Xã Hoằng Tiến, Hoằng Hóa	Khách sạn	có	230	Kênh tiêu Trường-Phụ	
55	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Y dược Hàm Rồng	xã Hoằng Quý, huyện Hoằng Hóa	Cơ sở y tế	có	100	Sông Tào	
56	Công ty TNHH Xứ Đoài	Xã Hoằng Trường, Hoằng Hóa	Khu nghỉ dưỡng	có	300	Kênh tiêu Trường-Phụ	

57	Công ty CP ĐTPP chăn nuôi Hoàng Hóa	Số 50/6/Le Xã Vạn Hòa, phường Tân Sơn, TP. TH	Chăn nuôi lợn	có	136	Sông Gông	
58	Nhà máy Z111	Xã Hoàng Trung, Hoàng Hóa	sản xuất súng bộ bình	có	160	Sông Âu	
59	Công ty TNHH Giấy Alena Việt Nam	xã Định Liên, huyện Yên Định	Sản xuất Giấy	có	250	Sông Cầu Chày	
60	Công ty may TS VINA	xã Định Liên, huyện Yên Định	Nhà máy may	có	119	Sông Cầu Chày	
61	Công ty TNHH Bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa	Thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định	Trang trại bò sữa	có	400	Sông Cầu Chày	
62	Bệnh viện Đa khoa huyện Bá Thước	Thị trấn Cảnh Nàng, huyện Bá Thước	Cơ sở y tế	có	150	sông Mã	
63	Công ty CP XNK Rau quả Thanh Hóa	Phường Đông Thọ, TP Thanh Hóa	Nhà máy tinh bột sắn	có	1207	sông Mã	
64	Công ty CP Đầu tư phát triển sản xuất và Xuất nhập khẩu An Phước	xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy	Nhà máy sản xuất sợi dệt	có	900	Suối Hón Lim	
65	Công ty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa	Xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy	Nhà máy chế biến mu cao su	có	92	Suối Làng Sành	
66	Công ty TNHH SoTo	Xã Quảng Lợi, huyện Quảng Xương	Du lịch sinh thái	có	274	Sông lý	
67	Bệnh viện 71 Trung Ương	Xã Quảng Tâm, huyện Quảng Xương	Cơ sở y tế	có	400	Sông thống nhất	
68	Công ty TNHH IVORY Triệu Sơn Thanh Hóa	xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn	Nhà máy may	có	200	Kênh Nam	
69	Công ty CP Cromit Nam Việt	xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn	Sản xuất quặng	có	100	mương thu gom phía Đông	
70	Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Uy - Chi nhánh	xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn	SX giấy dếp XK	có	120	Sông Nhà Lê	
71	Bệnh viện Đa khoa Triệu Sơn	thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn	Cơ sở y tế	có	150	Sông Nhà Lê	

72	Bệnh viện Đa khoa huyện Ngọc Lặc	TT Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc.	Cơ sở y tế	có	384	Sông Cầu Chày	
73	Công ty TNHH Việt Pan - Pacific Thanh Hóa	thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc	Nhà máy may	có	220	Sông Cầu Chày	
74	Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Thái Dương	xã Minh Tiến, huyện Ngọc Lặc	SX thức ăn	có	550	Hồ Gắm	
75	Công ty cổ phần sản xuất Chế biến nông sản và Vật tư nông nghiệp Phúc Thịnh	xã Phúc Thịnh, huyện Ngọc Lặc	Chế biến tinh bột sắn	có	1094	Suối Làng Miềng	
76	Công ty TNHH TMĐT & PT công nghệ Thăng Long Thanh Hóa	xã Ngọc Khê, Thúy Sơn, Ngọc Lặc	KD du lịch	có	380	Sông Cầu Chày	
77	Công ty TNHH Trường Long	xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc	Khai thác và chế biến đá	có	120	ao lằng lọc	
78	Công ty TNHH Giày Venus Việt Nam	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung	Giày, dép	có	300	sông Chiêu Bạch	
79	Công ty TNHH MTV thuốc lá Thanh Hóa	TT Hà Trung, huyện Hà Trung	Thuốc lá	có	160	sông Lèn	
70	Nhà máy ô tô Veam Thanh Hóa	phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn	Nhà máy ô tô	có	160	Suối khe Sung	
71	Công ty TNHH Duyệt Cường	Xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa	Giấy vàng mã	có	150	Sông Mã	
72	Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Trung Sơn	xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa	Nhà máy thủy điện	có	130	Sông Mã	
73	Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đái Loan	TT Vân Du, huyện Thạch Thành	Nhà máy men	có	750	Suối Xóm sắn	
74	Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đái Loan	TT Vân Du, huyện Thạch Thành	Nhà máy đường	có	1.260	Suối Xóm sắn	
75	Công ty TNHH Phương Linh	xã Đông Tân, Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn	Bệnh viện ĐK Phúc Thịnh	có	120	Sông Vét	
76	Công ty CP Mía đường Nông Công	xã Thăng Long, huyện Nông Công	Nhà máy đường	có	1.450	Khe Bọt Dột	

77	Công ty cổ phần Giấy Lam Sơn	xã Vạn Thắng, huyện Hồng Công	Sản xuất giấy	có	250	Sông Mực	
78	Công ty TNHH May mặc XK Appareltech Vĩnh Lộc	Xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc	May mặc	có	185	sông Bưởi	
79	Công ty TNHH IVORY Việt Nam-Thanh Hóa	TT Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc	May mặc	có	100	Kênh Văn Xuân	
80	Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc	TT Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc	Cơ sở y tế	có	168	Sông Trà Giang	
81	Công ty TNHH NY Hoa Việt	xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc	May mặc	có	380	Sông Lèn	
82	Công ty CP Vật tư tổng hợp Thanh Hóa	Xã Hóa Quý, huyện Như Xuân	Chế biến tinh bột sắn	có	1.900	Sông Quyền	

**Bảng tổng hợp danh mục các làng nghề**

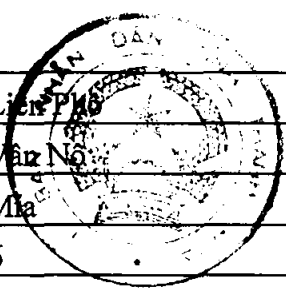
(Kèm theo Công văn số: 12862 /UBND-NN ngày 23/10/2017 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	TÊN LÀNG NGHỀ	ĐỊA CHỈ	LOẠI HÌNH SẢN XUẤT
1	Huyện Hà Trung: 07 làng		
1	Nam Thôn 1	Xã Hà Tân	Khai thác, chế biến đá
2	Làng Đông Quang	Xã Hà Hải	Bánh bún
3	Làng Yên Thôn		Đan cót nan
4	Làng nghề Hà Phong	Xã Hà Phong	Khai thác, chế biến vật liệu xây dựng
5	Làng nghề Hà Lĩnh	Xã Hà Lĩnh	
6	Làng nghề Hà Long	Xã Hà Long	
7	Làng nghề Hà Bình	Xã Hà Bình	Sx vật liệu xây dựng, cán thép
2	Huyện Nga Sơn: 31 làng		
8	Thôn 1, xã Nga Tân		Chế biến cói
9	Thôn 2, xã Nga Tân		
10	Thôn 3, xã Nga Tân		
11	Thôn 4, xã Nga Tân		
12	Thôn 5, xã Nga Tân		
13	Thôn 6, xã Nga Tân		
14	Thôn 7, xã Nga Tân		
15	Thôn 8, xã Nga Tân		
16	Thôn 1, xã Nga Liên		
17	Thôn 2, xã Nga Liên		
18	Thôn 3, xã Nga Liên		
19	Thôn 4, xã Nga Liên		
20	Thôn 5, xã Nga Liên		
21	Thôn 6, xã Nga Liên		
22	Thôn 1, xã Nga Thanh		
23	Thôn 2, xã Nga Thanh		
24	Thôn 3, xã Nga Thanh		
25	Thôn 4, xã Nga Thanh		
26	Thôn 5, xã Nga Thanh		
27	Thôn 1, xã Nga Thủy		
28	Thôn 2, xã Nga Thủy		
29	Thôn 3, xã Nga Thủy		

	30	Thôn 4, xã Nga Thuý		
	31	Thôn 5, xã Nga Thuý		
	32	Thôn 1, xã Nga Tiến		
	33	Thôn 2, xã Nga Tiến		
	34	Thôn 3, xã Nga Tiến		
	35	Thôn 4, xã Nga Tiến		
	36	Thôn 5, xã Nga Tiến		
	37	Làng Chính Đại, xã Nga Điền		Sản xuất rượu
	38	Làng Chiêm Ba, xã Nga Văn		Mây tre đan
3		Huyện Hậu Lộc: 06 làng		
	39	Làng Bùi	Xã Tiến Lộc	Cơ khí nhỏ
	40	Làng Sơn		
	41	Làng Ngọ		
	42	Làng Cầu Lộc	Xã Cầu Lộc	Sản xuất rượu
	43	Làng Diêm Phố	Xã Ngư Lộc	Chế biến nước mắm, hải sản
	44	Làng Do Trung	Xã Thịnh Lộc	Mây tre đan
	45	Làng Vại	Xã Liên Lộc	
4		Huyện Hoằng Hoá: 14 làng		
	46	Làng Trù Ninh	Xã Hoằng Đạt	Nghề mộc
	47	Làng Hạ Vũ		
	48	Làng Tam Nguyên		
	49	Làng Đạt Tài	Xã Hoằng Hà	
	50	Làng Hà Thái		
	51	Làng Đại An	Xã Hoằng Lương	
	52	Làng Xa Vệ	Xã Hoằng Trung	Thêu tranh
	53	Làng Anh Vinh	Xã Hoằng Thịnh	Mây tre đan
	54	Làng Thịnh Hoà		
	55	Làng Bình Tây		
	56	Làng Đoàn Vĩ		
	57	Làng Thái Hoà	Xã Hoằng Thái	
	58	Làng An Hào	Xã Hoằng Trạch	Đèn lồng, sợi
	59	Làng nghề Hoằng Phụ	Xã Hoằng Phụ	Chế biến hải sản
5		Thành phố Thanh Hóa: 15 làng		
	60	Thêu mỹ nghệ xã Đông Cương	Xã Đông Cương	Thêu mỹ nghệ
	61	Móc hộp	Xã Hoằng Anh	móc hộp
	62	Đan cối, đan võng	Xã Hoằng Quang	Đan cối, đan võng

	63	Làng Cốt mộc Thiệu Dương	Xã Thiệu Dương	Cốt mộc
	64	Làng ví da	Xã Hoàng Long	Làm ví da
	65	Làng làm hương	Phường Trường Thi	Làm hương
	66	Ép dầu lạc, đan thảm, đậu phụ	Xã Hoàng Lý	Ép dầu lạc, đan thảm, đậu phụ
	67	Làng Quảng Xá	Phường Đông Vệ	Sản xuất men, rượu
	68	Làng Mật Sơn		Làm hoa giấy hàng mã
	69	Làng BỐ, ngã ba Voi		Sx bánh đa nem
	70	Làng làm bún, bánh phở	Xã Đông Hương	Sx bún, bánh phở
	71	Làng làm nem, giò, chả	Xã Đông Hương	Sx nem, giò, chả
	72	Làng nấu rượu Vĩnh Trị	Xã Hoàng Quang	Nấu rượu
	73	Làng chế tác đá mỹ nghệ xã Quảng Thắng	xã Quảng Thắng	SX đá ốp lát, mỹ nghệ
		Làng chế tác đá mỹ nghệ phường An Hoạch	Phường An Hoạch	Chế tác đá mỹ nghệ
	74	Làng nung vôi, sản xuất đá xây dựng	Làng Tân Hạnh, Xã Đông Tân	Nung vôi, sản xuất đá xây dựng
6		Huyện Quảng Xương: 01 làng		
	75	Làng Chính Trung	Xã Quảng Phong	Mây tre đan
7		Huyện Nông Cống: 13 làng		
	76	Làng Yên Lai	Xã Trường Giang	Đan nón lá
	77	Làng Tuy Hoà		Chế biến cói
	78	Làng Ngọc Lẫm		Đan nón lá
	79	Làng Tín Bản	Xã Trường Trung	Chế biến cói
	80	Làng Yên Lãng		Mây tre đan
	81	Làng Đông Xuân		Chế biến cói
	82	Làng Trung Liệt		Mây tre đan
	83	Làng Đoài		Chế biến cói
	84	Làng Kén	Xã Tượng Sơn	Chế biến cói
	85	Làng Tế Độ	Xã Tế Nông	
	86	Làng Quyết Thắng	Xã Vạn Thắng	Làm hương
	87	Làng Thanh Bình	Xã Tân Thọ	Mành thanh hao
	88	Làng Lượng Định		
8		Huyện Như Thanh: 03 làng		
	89	Làng nghề Xuân Thành	Xã Xuân Thành	Mây tre đan
	90	Làng dệt thổ cẩm	Xã Thanh Kỳ	Dệt thổ cẩm

	91	Làng Phú Quang	Xã Phú Nhuận	Chổi lót
9		Huyện Tĩnh Gia: 13 làng		
	92	Làng Thượng Hải	Xã Hải Thanh	Chế biến hải sản
	93	Làng Quang Minh		
	94	Làng Xuân Tiến		
	95	Làng Thanh Nam		Sản xuất nước mắm
	96	Thôn Ba Làng		
	97	Làng Do Xuyên		
	98	Làng Cao Lư	Xã Hải Thượng	Chế biến cói
	99	Làng Các Sơn		
	100	Làng Liên Đình	Xã Hải Bình	Chế biến hải sản
	101	Làng Liên Hưng		
	102	Làng Liên Thịnh		
	103	Làng Nam Hải		
	104	Làng Phong Thái	Xã Hải An	Đục đá rập
10		Thị xã Sầm Sơn: 11 làng		
	105	Khu phố Trung Thịnh	Phường Quảng Tiến	Làng nghề đánh bắt hải sản
	506	Khu phố Hải Vượng	Phường Quảng Tiến	
	107	Khu phố Toàn Thắng	Phường Quảng Tiến	
	108	Khu phố Vạn Lợi	Phường Quảng Tiến	
	109	Khu phố Tân Lập	Phường Quảng Tiến	
	110	Khu phố Nam Hải	Phường Trung Sơn	
	111	Khu phố Trung Kỳ	Phường Trung Sơn	
	112	Khu phố Lập Công	Phường Bắc Sơn	
	113	Làng nghề sấm súc Toàn Thắng	Phường Quảng Tiến	
	114	Khu phố Tài Lộc	Phường Trường Sơn	
	115	Làng Toàn Thắng	Phường Quảng Tiến	Đệt sấm tơ
11		Huyện Đông Sơn: 04 làng		
	116	Làng Cẩm Tú	Xã Đông Hoàng	SX đá trang sức
	117	Làng Hữu Bộc	Xã Đông Ninh	
	118	Thôn Toán	Xã Đông Hưng	Khai thác, chế biến đá
	119	Thôn Tiến		
12		Huyện Triệu Sơn: 02 làng		
	120	Làng Yên Trung	Xã Đồng Lộc	Đan nón lá
	121	Làng Thành Tiến	Xã Xuân Lộc	Đan nón lá
13		Huyện Thọ Xuân: 19 làng		
	122	Làng Bát Căng	Xã Thọ Nguyên	Đan cốt nan



	123	Làng Liên Phú	Xã Thọ Nguyên	Đan cốt nan
	124	Làng Văn Nỗ	Xã Thọ Nguyên	Đan cốt nan
	125	Làng Mía	Xã Thọ Diên	Bánh gai
	126	Thôn 6	Xã Thọ Lâm	Tre nan
	127	Thôn 7	Xã Thọ Lâm	Tre nan
	128	Làng Quyết Thắng	Xã Xuân Bái	Nghề mộc
	129	Làng Quảng Ích	Xã Xuân Thiên	Đan cốt nan
	130	Thôn 1	Xã Xuân Giang	Thêu tranh
	130	Thôn 2	Xã Xuân Giang	Thêu tranh
	132	Thôn 3	Xã Xuân Giang	Thêu tranh
	133	Thôn 4	Xã Xuân Giang	Thêu tranh
	134	Thôn 5	Xã Xuân Giang	Thêu tranh
	135	Thôn 6	Xã Xuân Giang	Thêu tranh
	136	Thôn 7	Xã Xuân Giang	Thêu tranh
	137	Thôn 8	Xã Xuân Giang	Thêu tranh
	138	Làng Trung Lập	Xã Xuân Lập	Thêu tranh
	139	Làng Vũ Thượng		
	140	Làng Phá Xá		
14		Huyện Thiệu Hoá: 04 làng		
	141	Làng Trà Đông	Xã Thiệu Trung	Đúc đồng
	142	Làng Hồng Đô	Xã Thiệu Đô	Ươm tơ, dệt nhiễu
	143	Làng nghề bánh đa nem	Xã Thiệu Châu	Bánh đa nem
	144	Làng nghề nuôi tằm, ươm tơ	Xã Thiệu Tân	Nuôi tằm, ươm tơ
15		Huyện Yên Định: 02 làng		
	145	Thôn Định Phú	Xã Định Tường	Nửa cuốn
	146	Làng Ấp Trú	Xã Định Bình	Mây giang xiên
16		Huyện Vĩnh Lộc: 02 làng		
	147	Thôn 8, xã Vĩnh Minh		Chế tác đá
	148	Thôn 9, xã Vĩnh Minh		
17		Huyện Thường Xuân: 07 làng		
	149	Thôn Hoà Lâm	Xã Ngọc Phụng	Đan cốt nan
	150	Thôn Hưng Long		
	151	Thôn Thống Nhất	Xã Xuân Dương	
	152	Thôn Thanh Long	Xã Thọ Thanh	Mây tre đan
	153	Thôn Thanh Xuân	Xã Xuân Cẩm	Dệt thổ cẩm
	154	Thôn Na Mén	Xã Vạn Xuân	
	155	Thôn Thiệu Hợp	Xã Luận Thành	Đan nửa cuốn

Bảng tổng hợp danh mục nguồn nước thải
từ khu đô thị, khu tập trung dân cư
(Kèm theo Công văn số: 42862/UBND-NN ngày 23/10/2017 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên đô thị/ Khu dân cư	Dân số	Có/không có hệ thống xử lý nước thải	Lưu lượng nước thải (m³/ng.đêm)	Nguồn tiếp nhận
1	Thành phố Thanh Hóa	340.000	có	15.000	Kênh Lê
2	Thành phố Sầm Sơn	150.902	có	3.000	Sông Đơ
3	Thị xã Bim Sơn	58.982	có	3.500	Sông Tam Điệp